

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT
TRÙNG VIỆT NAM

VIETNAM PESTICIDE JOINT
STOCK COMPANY

Số/No. 243CV-TST

V/v: Giải trình biến động lợi nhuận quý
01 năm 2025 so với cùng kỳ năm
trước./Explanation of profit fluctuations in
the first quarter of 2025 compared to the
same period last year.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness

TP HCM, ngày 26 tháng 04 năm 2025

Ho Chi Minh City, April 26, 2025

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/ The State Securities Commission
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/ Hochiminh Stock Exchange

Tên tổ chức / Organization name: CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC SÁT TRÙNG
VIỆT NAM/ VIETNAM PESTICIDE JOINT STOCK COMPANY.

Mã chứng khoán/ Securities Symbol: VPS

Địa chỉ trụ sở chính/ Address: 102 Nguyễn Đình Chiểu, Phường/Ward: Đa Kao,
Quận/ District: 1, Thành phố/ City: Hồ Chí Minh.

Thực hiện theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính
hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán./Follow Circular No.
96/2020/TT-BTC dated November 16, 2020 of the Ministry of Finance guiding
information disclosure on the stock market.

Căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 1 năm 2025 của Công ty cổ
phần Thuốc sát trùng Việt Nam./Based on the separate and consolidated financial
statements for the first quarter of 2025 of Vietnam Pesticide Joint Stock Company.

Chúng tôi xin giải trình về trường hợp lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp
chênh lệch hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, như sau:/We would like to explain the
case where the profit after corporate income tax differs by more than 10% compared to
the same period last year, as follows:

SỐ LIỆU BÁO CÁO RIÊNG/SEPARATELY REPORT DATA

Stt/ No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	38,983,122,997	76,481,458,949	(37,498,335,952)	-49.0%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	1,661,832,516	1,477,035,317	184,797,199	12.5%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	37,321,290,481	75,004,423,632	(37,683,133,151)	-50.2%

Stt/ No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	25,489,212,939	50,114,927,131	(24,625,714,192)	-49.1%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	11,832,077,542	24,889,496,501	(13,057,418,959)	-52.5%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	3,313,689,718	1,030,433,330	2,283,256,388	221.6%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	3,149,436,000	3,782,201,697	(632,765,697)	-16.7%
8	Chi phí bán hàng/Selling expense	6,854,399,630	11,373,176,491	(4,518,776,861)	-39.7%
9	Chi phí quản lý/Administrative expenses	8,847,558,270	9,482,225,241	(634,666,971)	-6.7%
10	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	(3,705,626,640)	1,282,326,402	(4,987,953,042)	-389.0%
11	Lợi nhuận khác/Other income	(92,710,689)	4,272,554	(96,983,243)	-2269.9%
12	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	(3,798,337,329)	1,286,598,956	(5,084,936,285)	-395.2%
13	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	(3,720,952,411)	1,029,279,165	(4,750,231,576)	-461.5%

Báo cáo riêng: Thị trường tiêu thụ giảm mạnh do ảnh hưởng thời tiết làm chậm gieo trồng, giá nông sản giảm, lượng hàng tồn trong đại lý còn nhiều làm cho doanh thu bán hàng giảm 37,49 tỷ so với cùng kỳ tương ứng giảm 49,0%, doanh thu thuần giảm tương ứng 50,2%, mặc dù trong kỳ công ty ghi nhận lợi nhuận được chia từ công ty con 2,89 tỷ đồng nhưng doanh thu giảm mạnh làm cho lợi nhuận sau thuế giảm mạnh (-) 3,72 tỷ đồng so với (+) 1,02 tỷ đồng cùng kỳ.

Separate Financial Report: Market demand contracted sharply due to adverse weather conditions that delayed planting activities, depressed agricultural commodity prices, and left distributors with excessive inventory. These factors collectively caused led to a VND 37.49 billion decline in sales revenue (49.0% year-on-year decrease), corresponding 50.2% reduction in net revenue. Although the company recorded VND 2.89 billion in profit share from subsidiaries, the sharp revenue decline resulted in a significant decrease in net profit after tax, falling to a loss of VND 3.72 billion from a profit of VND 1.02 billion in the same period last year.

SỐ LIỆU BÁO CÁO HỢP NHẤT/CONSOLIDATED REPORT DATA

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
1	D.thu BH & cung cấp DV/Revenue from sales of goods and rendering of services	46,828,467,047	83,800,419,549	(36,971,952,502)	-44.1%
2	Các khoản giảm trừ doanh thu/Revenue deductions	1,661,832,516	1,477,035,317	184,797,199	12.5%
3	Doanh thu thuần/Net revenue	45,166,634,531	82,323,384,232	(37,156,749,701)	-45.1%

Stt/No	Chỉ tiêu/Items	Kỳ này năm nay /This period this year	Kỳ này năm trước/This period last year	Chênh lệch/discrepancy	
				Giá trị/Value	% +/-
4	Giá vốn hàng bán/Cost of goods sold	31,665,699,821	55,678,071,082	(24,012,371,261)	-43.1%
5	Lợi nhuận gộp/Gross profit	13,500,934,710	26,645,313,150	(13,144,378,440)	-49.3%
6	Doanh thu hoạt động tài chính/Financial income	660,989,725	1,161,436,593	(500,446,868)	-43.1%
7	Chi phí tài chính/Financial expense	3,229,163,878	3,880,169,197	(651,005,319)	-16.8%
8	Lãi hoặc lỗ trong công ty L.doanh, L.kết/Share of joint ventures and associates' profit or loss			-	
9	Chi phí bán hàng/Selling expense	7,170,261,025	11,601,184,351	(4,430,923,326)	-38.2%
10	Chi phí quản lý/Administrative expenses	9,989,892,003	10,609,543,066	(619,651,063)	-5.8%
11	LN thuần từ HĐKD/Net profit from operating activities	(6,227,392,471)	1,715,853,129	(7,943,245,600)	-462.9%
12	Lợi nhuận khác/Other income	(92,710,689)	4,272,554	(96,983,243)	-2269.9%
13	Tổng LN trước thuế/Total net profit before tax	(6,320,103,160)	1,720,125,683	(8,040,228,843)	-467.4%
14	Tổng LN sau thuế/Profit after corporate income tax	(6,327,890,043)	1,366,500,547	(7,694,390,590)	-563.1%

Báo hợp nhất: Doanh thu theo báo cáo riêng giảm mạnh đã kéo theo doanh thu hợp nhất giảm 36,97 tỷ đồng, tương ứng giảm 44,1% so với cùng kỳ. Trong kỳ, báo cáo hợp nhất đã điều chỉnh khoản lợi nhuận được chia từ công ty con – khoản mục đã được ghi nhận trong báo cáo riêng. Những yếu tố này khiến kết quả kinh doanh hợp nhất kỳ này ghi nhận lỗ 6,32 tỷ đồng, so với mức lãi 1,36 tỷ đồng cùng kỳ năm trước

Consolidated Financial Report: A sharp in revenue decline from the separate financial statements led to a decrease of VND 36.97 billion, equivalent to a 44.1% drop in consolidated revenue compared to the same period last year. During the period, the consolidated report adjusted for the dividend income from subsidiaries that had been recognized in the separate report. These factors resulted in a significant downturn in the consolidated results, with a loss of VND 6.32 billion this period, compared to a profit of VND 1.36 billion in the same period last year.

Trân trọng/Best regards.

Nơi nhận/Recipient:

- Như trên/ As above;
- Lưu: Văn thư, Phòng kế toán /Archives: Clerical, Accountant Dept.

Tổng giám đốc
General Director



NGUYỄN THÂN